

LÊ THỊ
HOÀNG HÀ

Digitally signed by LÊ THỊ HOÀNG HÀ
DN: c=VN, st=Hồ Chí Minh, l=Quận 1, o=CÔNG
TY CỔ PHẦN FIDITOUR, ou=KẾ TOÁN TÀI
CHÍNH, title=P. Kế toán tài chính, cn=LÊ THỊ
HOÀNG HÀ
0.9.2342.19200300.100.1.1~CMND:024825694
Date: 2019.03.07 16:04:56 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC**Trang**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

8

Thuyết minh báo cáo tài chính

9 – 33

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Việt Hùng	Chủ tịch
Ông Hồ Anh Tuấn	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018)
Bà Trương Thị Tú Anh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày từ 19/04/2018)
Bà Lê Thị Hoàng Hà	Ủy viên
Ông Đoàn Thiện Tánh	Ủy viên
Ông Lê Phong Trần	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018)
Ông Nguyễn Quý Hoàng	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018)
Bà Đỗ Thị Ngọc	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018)
Ông Đặng Trung Nghĩa	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2018)
Bà Thái Diệu Hà	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2018)
Ông Huỳnh Bá Lân	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2018)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Hải	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018)
Ông Vũ Văn Nhã	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2018)
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngân	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018)
Bà Đặng Thái Quỳnh Anh	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018)
Ông Lâm Hải Đào	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2018)
Ông Đinh Lê Chiến	Ủy viên
Ông Bùi Tấn Tài	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thiện Tánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2018)
Ông Nguyễn Ngọc An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Số: 19.132/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2019 từ trang 5 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Fiditour tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1



Lý Trung Thành
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2822-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		162.214.338.206	128.420.002.927
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	34.036.057.187	41.116.738.139
1. Tiền	111		34.036.057.187	27.060.738.139
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	14.056.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92.078.915.950	50.903.089.312
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	52.934.823.044	26.773.040.134
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	28.924.637.685	14.378.154.823
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	10.219.455.221	9.751.894.355
III. Hàng tồn kho	140		35.321.304.534	34.187.221.531
1. Hàng tồn kho	141	4.5	35.321.304.534	34.187.221.531
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		778.060.535	2.212.953.945
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		778.060.535	1.499.873.744
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	20.914.638
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	-	692.165.563
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.245.730.276	21.877.004.499
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		683.824.400	625.824.400
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	683.824.400	625.824.400
II. Tài sản cố định	220		8.528.289.332	9.534.495.765
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	8.503.438.496	9.482.534.925
Nguyên giá	222		46.675.710.613	46.675.710.613
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.172.272.117)	(37.193.175.688)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.6	24.850.836	51.960.840
Nguyên giá	228		315.932.576	315.932.576
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(291.081.740)	(263.971.736)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.8	10.533.974.561	10.481.340.586
Nguyên giá	231		10.533.974.561	10.481.340.586
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.9	264.000.000	342.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		600.000.000	600.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(336.000.000)	(258.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		235.641.983	893.343.748
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		235.641.983	893.343.748
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		182.460.068.482	150.297.007.426

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2018

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		142.389.723.519	114.082.226.173
I. Nợ ngắn hạn	310		128.892.723.519	73.664.318.907
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	7.413.419.924	4.706.241.244
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	43.487.187.362	36.191.021.552
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	1.999.787.894	-
4. Phải trả người lao động	314		1.785.016.000	2.009.734.603
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	2.740.895.865	2.935.110.268
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	41.265.616.638	18.850.115.337
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	5.057.136.295	5.442.856.759
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	23.648.906.361	3.455.108.764
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.494.757.180	74.130.380
II. Nợ dài hạn	330		13.497.000.000	40.417.907.266
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	13.497.000.000	40.417.907.266
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.070.344.963	36.214.781.253
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	40.070.344.963	36.214.781.253
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.545.000.000	30.545.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.545.000.000	30.545.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.700.254.226	5.619.350.826
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.825.090.737	50.430.427
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.581.051.579	(3.604.866.218)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.244.039.158	3.655.296.645
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		182.460.068.482	150.297.007.426



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Lê Thị Hoàng Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thảo Vi
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu B 02 – DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	620.034.824.512	521.904.085.983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		199.774.731	306.031.816
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		619.835.049.781	521.598.054.167
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	567.651.726.184	480.969.027.817
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.183.323.597	40.629.026.350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		500.106.992	3.051.351.310
7. Chi phí tài chính	22		1.533.792.054	1.797.526.852
Trong đó, chi phí lãi vay	23		675.434.094	1.085.254.245
8. Chi phí bán hàng	25	5.3	11.749.100.934	9.482.023.885
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	30.444.418.055	23.701.916.613
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.956.119.546	8.698.910.310
11. Thu nhập khác	31		477.452.339	449.722.974
12. Chi phí khác	32		2.830.447	151.078.043
13. Lợi nhuận khác	40		474.621.892	298.644.931
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.430.741.438	8.997.555.241
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	1.882.202.279	315.058.596
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.548.539.159	8.682.496.645
17. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.4	2.062	2.651
18. Lãi/(Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.4	2.062	2.651



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Lê Thị Hoàng Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thảo Vi
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.430.741.438	8.997.555.241
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	1.006.206.433	1.375.368.677
Các khoản dự phòng	03		78.000.000	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(51.597.769)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(305.251.802)	(2.853.603.810)
Chi phí lãi vay	06		675.434.094	1.085.254.245
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		10.833.532.394	8.604.574.353
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(40.520.746.437)	(2.272.765.353)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.134.083.003)	(12.153.453.855)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.676.954.308	51.232.569.922
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.379.514.974	(508.702.103)
Tiền lãi vay đã trả	14		(675.434.094)	(1.085.254.245)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.12	(326.283.342)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(919.096.600)	(540.453.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(25.685.641.800)	43.276.515.318
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.629.349.250
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		305.251.802	263.034.560
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		305.251.802	5.892.383.810

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	56.452.035.258	30.150.958.069
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(36.258.237.661)	(53.284.385.332)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(1.945.686.320)	(4.887.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		18.248.111.277	(28.020.627.263)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(7.132.278.721)	21.148.271.865
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	41.116.738.139	19.968.466.274
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		51.597.769	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	34.036.057.187	41.116.738.139



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Lê Thị Hoàng Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thảo Vi
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 02 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần lượt là 30.545.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 370 (31/12/2017: 329).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục, giáo dục nghề nghiệp;
- Điều hành tour du lịch, vận tải hành khách đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

Tên	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Fiditour	127 – 129 – 129A Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Cần Thơ	59 Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Đặng Dung	54 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Hoàng Gia	12D Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Tân Định	50A Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Hà Nội	43A Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Đà Nẵng	47B Lê Duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank).
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

3.5. Nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Chi phí sản xuất dở dang là chi phí của các tour đã và đang thực hiện dở dang đang trong quá trình tập hợp chi phí chờ quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 10 năm
▪ Máy móc thiết bị	06 – 11 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	07 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu của dịch vụ tour đã hoàn thành nhưng chi phí thực hiện tour chưa thể xác định một cách đáng tin cậy để ghi nhận giá vốn tương ứng. Doanh thu chưa thực hiện sẽ được tính, xác định và kết chuyển vào doanh thu trong năm khi chi phí của các tour du lịch tương ứng đã được xác định một cách đáng tin cậy.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.17. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	6.535.370.412	4.367.090.587
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.500.686.775	22.693.647.552
Các khoản tương đương tiền	-	14.056.000.000
Cộng	34.036.057.187	41.116.738.139

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của các khách hàng có số dư phải thu mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu từ hoạt động hướng dẫn du lịch	27.754.371.291	6.827.376.227
Phải thu từ hoạt động bán vé máy bay	16.729.622.191	16.557.166.364
Phải thu từ hoạt động khác	8.450.829.562	3.388.497.543
Cộng	52.934.823.044	26.773.040.134

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các khoản trả trước thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của công ty.

Trả trước ngắn hạn cho người bán được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trả trước cho hoạt động hướng dẫn du lịch	5.490.584.828	1.692.739.154
Trả trước cho hoạt động bán vé máy bay	22.107.624.880	11.616.096.372
Trả trước cho hoạt động khác	1.326.427.977	1.069.319.297
Cộng	28.924.637.685	14.378.154.823

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng	9.316.015.935	-	8.871.743.098	-
Phải thu khác	903.439.286	-	880.151.257	-
Cộng	10.219.455.221		9.751.894.355	-
Dài hạn:				
Ký quỹ	683.824.400	-	625.824.400	-

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	254.270	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	423.187.491	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang [*]	35.321.304.534	-	33.763.779.770	-
Cộng	35.321.304.534	-	34.187.221.531	-

[*] Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu là tập hợp chi phí của các tour du lịch chưa được quyết toán, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi nhánh Lữ Hành	31.412.838.928	26.440.153.905
Chi nhánh Phòng Vé	715.477.441	2.225.136.779
Chi nhánh Hà Nội	1.359.066.726	3.510.868.614
Chi nhánh Đà Nẵng	1.523.588.957	672.794.354
Chi nhánh Cần Thơ	310.332.482	914.826.118
Cộng	35.321.304.534	33.763.779.770

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2018	315.932.576
Tại ngày 31/12/2018	315.932.576
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2018	263.971.736
Khấu hao trong kỳ	27.110.004
Tại ngày 31/12/2018	291.081.740
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2018	51.960.840
Tại ngày 31/12/2018	24.850.836

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	29.705.558.229	4.497.687.950	9.853.977.918	2.618.486.516	46.675.710.613
Tại ngày 31/12/2018	29.705.558.229	4.497.687.950	9.853.977.918	2.618.486.516	46.675.710.613
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	27.453.998.645	3.625.200.758	3.876.759.525	2.237.216.760	37.193.175.688
Khấu hao trong kỳ	48.928.669	27.792.000	843.537.582	58.838.178	979.096.429
Tại ngày 31/12/2018	27.502.927.314	3.652.992.758	4.720.297.107	2.296.054.938	38.172.272.117
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	2.251.559.584	872.487.192	5.977.218.393	381.269.756	9.482.534.925
Tại ngày 31/12/2018	2.202.630.915	844.695.192	5.133.680.811	322.431.578	8.503.438.496

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 31.617.759.781 VND.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Bất động sản đầu tư**

Là giá trị quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 50A Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh mua trong năm 2015 với mục đích đầu tư chờ tăng giá để bán.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Tại ngày 31/12/2018****VND**

	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu	200.000.000	-	(*)	200.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC	400.000.000	(336.000.000)	64.000.000	400.000.000	(258.000.000)	142.000.000
Cộng	600.000.000	(336.000.000)		600.000.000	(258.000.000)	

Tại ngày 01/01/2018**VND**

	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu	200.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC	400.000.000	(258.000.000)	142.000.000
Cộng	600.000.000	(258.000.000)	

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu 200.000.000 VND tương đương 6,1% vốn điều lệ.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần du lịch và thương mại DIC 400.000.000 VND tương đương 0,15% vốn điều lệ.

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC dựa trên cơ sở giá niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của công ty.

Toàn bộ khoản phải trả người bán ngắn hạn có số dư phải trả mỗi người bán dưới 10% tổng số phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và có khả năng trả nợ 100%.

Phải trả người bán ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả cho hoạt động hướng dẫn du lịch	3.192.364.856	2.028.369.335
Phải trả cho hoạt động bán vé máy bay	3.328.804.655	1.681.894.797
Phải trả cho hoạt động khác	892.250.413	995.977.112
Cộng	7.413.419.924	4.706.241.244

4.11. Người mua trả trước ngắn hạn

Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các khoản trả trước thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của công ty.

Người mua trả tiền trước ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trả trước cho hoạt động hướng dẫn du lịch	39.768.216.589	29.289.202.663
Trả trước cho hoạt động bán vé máy bay	1.451.570.528	1.080.486.185
Trả trước cho hoạt động khác	2.267.400.245	5.821.332.704
Cộng	43.487.187.362	36.191.021.552

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND		VND		VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	808.102.371	10.696.889.258	9.717.212.526	171.574.361	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	37.989.999	-	37.989.999	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.170.884.684	1.882.202.279	326.283.342	385.034.253	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	20.800.839	2.981.500.843	2.927.159.717	33.540.287	-
Các loại thuế khác	-	-	64.026.663	1.000.000	63.026.663	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	1.000.000	-	1.000.000	-
Cộng	-	1.999.787.894	15.663.609.042	12.971.655.585	692.165.563	-

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí liên quan đến dịch vụ hướng dẫn du lịch đang thực hiện	469.600.658	439.519.686
Chi phí liên quan đến dịch vụ vé hàng không	176.379.570	362.800.190
Chi phí trích trước lương tháng 13	1.104.053.000	1.684.154.028
Chi phí tổ chức hội nghị khách hàng	462.226.273	-
Thù lao Hội đồng quản trị	475.000.000	445.000.000
Chi phí trích trước khác	53.636.364	3.636.364
Cộng	2.740.895.865	2.935.110.268

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	536.656.772	505.224.099
Bảo hiểm y tế	-	480.115.467
Bảo hiểm thất nghiệp	25.076.141	86.925.029
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.495.403.382	4.370.592.164
Cộng	5.057.136.295	5.442.856.759
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.497.000.000	40.417.907.266

4.15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Dịch vụ hướng dẫn du lịch	39.338.576.519	18.679.232.758
Hoạt động khác	1.927.040.119	170.882.579
Cộng	41.265.616.638	18.850.115.337

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	23.348.906.361	23.348.906.361	56.452.035.258	36.258.237.661	3.155.108.764	3.155.108.764
Công đoàn Viện kiểm sát Nhân dân Quận 1, TP. HCM	300.000.000	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000
Cộng	23.648.906.361	23.648.906.361	56.452.035.258	36.258.237.661	3.455.108.764	3.455.108.764

Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là các khoản vay theo Hợp đồng số 0159/1838/N-CTD với thời hạn 12 tháng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay chịu lãi suất trung bình 7,5% và phải được tái toán trong vòng 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này không có tài sản thế chấp.

Vay ngắn hạn Công đoàn Viện kiểm sát có thời hạn 1 năm với lãi suất 12%/năm, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này không có tài sản thế chấp.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	30.545.000.000	5.619.350.826	(3.604.866.218)	32.559.484.608
Lãi trong năm nay	-	-	8.682.496.645	8.682.496.645
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(140.000.000)	(140.000.000)
Tạm trích cổ tức 2017	-	-	(4.887.200.000)	(4.887.200.000)
Tại ngày 01/01/2018	30.545.000.000	5.619.350.826	50.430.427	36.214.781.253
Lãi trong năm nay	-	-	7.548.539.159	7.548.539.159
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017	-	-	(760.000.000)	(760.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018	-	-	(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
Tạm trích cổ tức 2018	-	-	(3.054.500.000)	(3.054.500.000)
Tăng do điều chỉnh tỷ lệ cổ tức năm 2017	-	-	2.443.600.000	2.443.600.000
Giảm khác	-	(919.096.600)	(152.978.849)	(1.072.075.449)
Tại ngày 31/12/2018	30.545.000.000	4.700.254.226	4.825.090.737	40.070.344.963

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	24.545.000.000	24.545.000.000
Cộng	30.545.000.000	30.545.000.000

4.17.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.054.500	3.054.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	3.054.500	3.054.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.054.500	3.054.500

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

4.17.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.548.539.159	8.997.555.241
Tạm Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.250.000.000)	(900.000.000)
Lãi /(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	6.298.539.159	8.097.555.241
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	3.054.500	3.054.500
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	2.062	2.651

4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại:

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
USD	21.794,16	25.009,06

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch	517.626.564.570	422.565.924.727
Doanh thu bán vé máy bay và dịch vụ hàng không	67.527.987.439	65.294.517.594
Doanh thu tour F&E	9.397.406.274	11.196.588.728
Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn	-	2.832.799.709
Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn uống	-	38.903.292
Doanh thu cho thuê mặt bằng	9.773.857.313	9.470.750.413
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	14.136.583.387	9.260.003.408
Doanh thu hoạt động khác	1.572.425.529	1.244.598.112
Cộng	620.034.824.512	521.904.085.983

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của dịch vụ hướng dẫn du lịch	479.788.734.224	393.721.904.713
Giá vốn của bán vé máy bay và dịch vụ hàng không	65.534.878.195	60.322.192.094
Giá vốn tour F&E	3.454.707.588	9.796.692.587
Giá vốn của dịch vụ khách sạn	-	1.802.614.625
Giá vốn của hoạt động cho thuê mặt bằng	1.956.761.588	2.310.532.182
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	11.947.230.168	7.113.681.639
Giá vốn của hoạt động khác	1.043.631.957	739.022.268
Giá vốn kinh doanh chung	3.925.782.465	5.162.387.708
Cộng	567.651.726.184	480.969.027.817

5.3. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng chủ yếu là chi phí quảng cáo, tiếp thị, hội chợ, giới thiệu dịch vụ.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	20.594.043.636	15.852.046.189
Chi phí vật liệu quản lý	1.011.535.250	450.193.020
Chi phí khấu hao TSCĐ	135.558.846	503.395.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.459.472.240	1.247.030.425
Chi phí bằng tiền khác	7.243.808.083	5.649.251.656
Cộng	30.444.418.055	23.701.916.613

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.374.170.824	2.738.169.164
Chi phí nhân công	55.933.301.666	49.363.429.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.006.206.433	1.375.368.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	534.394.043.171	446.398.849.435
Chi phí khác bằng tiền	15.137.523.080	14.277.151.495
Cộng	609.845.245.174	514.152.968.314

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	9.430.741.438	8.997.555.241
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	42.343.524	329.642.643
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(62.073.569)	(196.999.300)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	-	(7.554.905.605)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	9.411.011.393	1.575.292.979
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.882.202.279	315.058.596
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.882.202.279	315.058.596

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	56.452.035.258	30.150.958.069

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(36.258.237.661)	(53.284.385.332)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Dịch vụ hướng dẫn du lịch
- Bán vé máy bay và dịch vụ hàng không
- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
- Dịch vụ vận chuyển
- Chuyển nhượng bất động sản
- Dịch vụ khác

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	<u>Dịch vụ hướng dẫn du lịch</u>		<u>Bán vé máy bay và dịch vụ hàng không</u>		<u>Cho thuê máy ảnh</u>	<u>Dịch vụ vận chuyển</u>	<u>Dịch vụ khác</u>	<u>Loại trừ</u>	ĐVT: triệu đồng
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	
Doanh thu									
Từ khách hàng bên ngoài	527.024	433.763	67.528	65.295	9.774	9.471	14.137	9.260	620.035
Giữa các bộ phận	22.758	20.857	110.436	94.256	-	-	16.640	16.440	521.904
Cộng	549.782	454.620	177.964	159.550	9.774	9.471	30.776	25.700	620.035
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Kết quả của bộ phận	43.781	30.244	1.793	4.666	7.817	7.160	2.189	2.146	56.109
Chi phí không phân bổ									46.119
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									9.990
Thu nhập tài chính									500
Chi phí tài chính									1.534
Thu nhập khác									475
Lợi nhuận trước thuế									9.431
Thuế thu nhập doanh nghiệp									1.882
Lợi nhuận sau thuế									7.549
									8.682

(Xem tiếp trang sau)

Các thông tin khác

	<u>Dịch vụ hướng dẫn du lịch</u>		<u>Bán vé máy bay</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Nợ phải trả của bộ phận	92.146	20.891	41.836	36.611	8.408	56.580	-	-	142.390	114.082
Nợ phải trả không phân bổ										-
Tổng nợ phải trả									142.390	114.082

Chi phí khấu hao	<u>Dịch vụ hướng dẫn du lịch</u>		<u>Bán vé máy bay</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
	800	1.143	-	172	206	60	-	-	1.006	1.375

CÔNG TY CỔ PHẦN FIDITOUR

Địa chỉ: Số 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Doanh thu	Thành phố Hồ Chí Minh		Thành phố Hà Nội		Thành phố Cần Thơ		Thành phố Đà Nẵng		Loại trừ		ĐVT: triệu đồng	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
Từ khách hàng bên ngoài	548.700	463.064	29.765	25.380	34.048	28.499	7.522	4.654	-	-	620.035	521.597
Giữa các bộ phận	138.947	122.861	3.193	2.578	1.397	1.638	6.296	4.475	(149.833)	(131.552)	-	-
Cộng	687.647	585.925	32.958	27.958	35.444	30.137	13.818	9.129	(149.833)	(131.552)	620.035	521.597

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Nhân sự quản lý chủ chốt

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập Tổng Giám đốc	534.300.000	311.568.000
Lương các nhân viên quản lý chủ chốt khác	2.156.031.000	1.567.521.200
Cộng	2.690.331.000	1.879.089.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**9. SỐ LIỆU SO SÁNH**Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2017 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2017 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	2.651	2.900

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2018 vào ngày 19 tháng 04 năm 2018. Báo cáo Tài chính năm 2017 được ghi nhận theo số tạm trích.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Công ty là bị đơn và nguyên đơn trong một vụ kiện liên quan đến yêu cầu thanh toán tiền thuê mặt bằng từ tháng 10 năm 2007 và hoàn trả mặt bằng tại 127-129A Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện vụ kiện đang được các cơ quan chức năng thụ lý. Kết quả của vấn đề này hiện chưa thể xác định được và không có bất kỳ khoản dự phòng công nợ phải trả nào có liên quan được ghi nhận trong báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.




Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2019


Lê Thị Hoàng Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thảo Vi
Người lập